TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **613**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2021
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Kim Anh**

2. Bà **Nguyễn Thị Vạn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp về ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện L, tỉnh D.

Bị đơn: Ông **Lê Quang P**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: G13/4D tổ 13, ấp B, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L và ông P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/9/2020, bản tự khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Lê Quang P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2019 cấp ngày 22/4/2019. Thời gian đầu ông bà chung sống

hạnh phúc không có gì xảy ra. Đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về tình cảm, ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã và xung đột dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà L và ông P đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang P.

Về con chung: Bà L và ông P có 01 (một) con chung tên Lê Quang Bảo H (nam), sinh ngày: 23/9/2019. Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2020 và bản tự khai ngày 22/02/2021, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho đến khi trẻ H trưởng thành. Tuy nhiên, tại bản tự khai bổ sung ngày 27/4/2021 và biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 27/4/2021, bà L thay đổi ý kiến, bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi trẻ H.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/6/2021, bị đơn ông Lê Quang P trình bày: Ông Lê Quang P và bà Nguyễn Thị Thùy L chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2019. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Ông và bà L đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Ông P và bà L có 01 (một) con chung tên Lê Quang Bảo H (nam), sinh ngày: 23/9/2019, hiện đang sống với bà L. Sau khi ly hôn, ông P đồng ý giao trẻ H cho bà L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thực hiện vào ngày 15 tây hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện vào tháng 7/2021.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thùy L nộp đơn xin ly hôn đối với ông Lê Quang P. Ông Lê Quang P hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Lê Quang P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 46/2019 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/4/2019 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Lê Quang P là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông P không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà L thì giữa bà và ông P bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Đồng thời, ông Lê Quang P cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay và đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy L đối với ông Lê Quang P.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Lê Quang P có 01 (một) con chung tên là Lê Quang Bảo H (nam), sinh ngày: 23/9/2019. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 01/6/2021, ông Lê Quang P đồng ý giao trẻ H cho bà L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thực hiện vào ngày 15 tây hàng tháng,

thời gian bắt đầu thực hiện vào tháng 7/2021. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.* Xét thấy giữa bà L và ông P cùng có ý kiến là giao trẻ H cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hơn nữa hiện nay trẻ Linh đang sống với mẹ, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về tinh thần của trẻ, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao trẻ Lê Quang Bảo H (nam), sinh ngày: 23/9/2019 cho bà L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử ghi nhận việc ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) cho đến khi trẻ H đến tuổi trưởng thành, thực hiện vào ngày 15 tây hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện vào ngày 15/7/2021.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Lê Quang P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy L với ông Lê Quang P.

Bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với ông Lê Quang P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2019 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/4/2019 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Lê Quang P có 01 (một) con chung tên là Lê Quang Bảo H (nam), sinh ngày: 23/9/2019. Bà Nguyễn Thị Thùy L được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Lê Quang Bảo H; ông Lê Quang P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) cho đến khi trẻ H đến tuổi trưởng thành.

Ghi nhận việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 tây hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện vào ngày 15/7/2021.

Trường hợp ông Lê Quang P không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo án tuyên thì bà Nguyễn Thị Thùy L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông P phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Lê Quang P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Lê Quang P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Lê Quang P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy L chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0080739 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Quang P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định